ÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **168**/2019/QĐST-HNGĐ	*Mỹ Tho, ngày 14 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 497/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thụy Minh N**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp Thới T, xã Thới S, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: 710 ấp Bình P, xã Tân Mỹ C, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hoàng D**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp Thới T, xã Thới S, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thụy Minh N và anh Nguyễn Hoàng D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Duy T1, sinh ngày 06/02/2019 cho chị Phạm Thụy Minh N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hoàng

D phải đóng góp nuôi con chung với chị Phạm Thụy Minh N số tiền 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Duy T1 đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Hoàng D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày chị Phạm Thụy Minh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Hoàng D chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thụy Minh N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0000062 ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang nên chị N được hoàn lại 150.000 đồng.

Anh Nguyễn Hoàng D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự:
  + Anh Nguyễn Hoàng D;
  + Chị Phạm Thụy Minh N;
- VKSND TP.MT, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục thi hành án DS TP.MT;
- UBND xã Thới Sơn, TP.MT, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án-s.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Sang